

B GIAO THÔNG V N T I
B GIAO THÔNG V N T I

C NG HđA Xí H I CH NGHAA VI T NAM
ñ c l p - T do - H nh ph^{3/4}c

B NG ñI M CHI TI T MĐN H C - MĐN KI M TRA

NÑm h c : 2013-2014

L p h c : T t c

H c k m : HK01

M»n h c : Thi c»ng L ng 1

STT	MÃ SV	H Vĩ TĩN		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3551010193	Ph m Vi t	Anh	0.0	6.0	3.0	7.0	7.0		2.5	1.0		4.1	4.1	3.8		
2	3551010159	Lê Thanh	Bình	0.0	6.0	3.0	7.0	7.0		3.5			4.3	4.3			
3	3551010001	Phan Thanh	Chi n	0.0	6.0	3.0	0.0	7.0		2.5			3.0	3.0			
4	3551010227	Lê Khánh	Duy	0.0	6.0	8.0	7.5	6.0		0.0			4.2	4.2			
5	3551010379	Bùi Hoàng	ñ o	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
6	3551010163	Tr n Ti n	ñ t	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0		2.5			6.4	6.4			
7	3551010174	ñ Ồ ñ nh	Hào	8.0	8.0	8.0	8.5	7.0		1.0			6.3	6.3			
8	3551010287	Nguy n VÑ	Hi n	6.0	7.0	0.0	7.0	7.0		0.5			4.3	4.3			
9	3551010186	Châu Thành	Hi u	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0		4.5			6.8	6.8			
10	3551010268	H Phi	Hi u	0.0	7.0	8.0	7.5	7.0		0.0			4.5	4.5			
11	3551010359	Nguy n Minh	Hi u	8.0	8.0	8.0	7.5	7.0		4.5			7.0	7.0			
12	3551010252	Nguy n VÑ	Hòa	0.0	0.0	0.0	0.0	7.0		0.0			1.1	1.1			
13	3551010363	V½ñ nh	Hòa	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
14	3551010288	Nguy n Nh t	Huy	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0		2.0			6.2	6.2			
15	3551010257	Tr nh Thanh	Huy	0.0	7.0	3.0	7.0	6.0		3.0	7.5		4.2	4.2	5.3		
16	3551010170	Nguy n Phi	Hùng	8.0	8.0	8.0	7.5	7.0		4.0			6.8	6.8			
17	3551010239	Ph m VÑ	H ng	0.0	0.0	0.0	6.0	7.0		0.0			2.0	2.0			
18	3551010164	Nguy n VÑ	Ki t	7.0	7.0	8.0	8.0	7.0		0.0			5.7	5.7			
19	3551010218	Hoàng Xuân	Lâm	0.0	6.0	3.0	0.0	8.0		2.0			3.1	3.1			
20	3551010188	Nguy n VÑ	Linh	0.0	0.0	0.0	0.0	7.0		0.0			1.1	1.1			
21	3551010356	Bị Nh	Long	8.0	8.0	7.0	7.5	8.0		4.0			6.8	6.8			
22	3551010179	V½T n	Long	8.0	9.0	8.0	7.5	7.0		1.3			6.4	6.4			
23	3551010267	Võ Thành	Luân	8.0	8.0	8.0	0.0	7.0		0.0	4.0		4.8	4.8	5.7		
24	3551010388	V½VÑ	Luân	8.0	8.0	8.0	8.5	7.0		2.0			6.5	6.5			
25	3551010397	Tr n Ch´	Nghĩa	0.0	7.0	8.0	0.0	6.0		0.5	2.5		3.3	3.3	3.8		
26	3551010354	Ph m ñ Ñg	Nh t	8.0	8.0	8.0	8.5	7.0		4.0			7.0	7.0			
27	3551010154	Nguy n ñ nh	Nh t	0.0	7.0	3.0	7.0	7.0		2.0			4.2	4.2			
28	3551010212	Huunh	Pha	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
29	3551010142	Huunh VÑ	Pháp	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0		1.5			6.1	6.1			

STT	MÃ SV	H Vĩ Tc N		H S 2						H S 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
				1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
30	3551010151	L ² ã c	Phú	8.0	7.0	7.0	7.5	8.0		1.5			6.1	6.1			
31	3551010313	Tr ã ng Ng c	Phú	8.0	8.0	7.0	8.0	7.0		2.5			6.4	6.4			
32	3551010292	L ² ã c	Quân	0.0	7.0	8.0	3.0	6.0		4.0	5.5		4.6	4.6	5.0		
33	3551010184	Ph m VÑ	Qu c	6.0	8.0	0.0	8.0	7.0		4.3	3.0		5.5	5.5	5.2		
34	3551010155	VIOVÑ	Quy t	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0		2.0			6.3	6.3			
35	3551010220	Phan VÑ	Quý	5.0	6.0	0.0	5.0	6.0		2.0			3.8	3.8			
36	3551010198	Ph m Minh	Sang	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0		1.5			6.1	6.1			
37	3551010238	Cao Thanh	Tâm	7.0	7.0	8.0	7.5	7.0		1.5			6.0	6.0			
38	3551010411	L ² VÑ	Ti n	7.0	7.0	8.0	0.0	7.0		0.0	4.0		4.5	4.5	5.4		
39	3551010316	Phan Thành	T t	8.0	8.0	7.0	8.0	7.0		5.0			7.0	7.0			
40	3551010393	H ã c	Tu n	7.0	6.0	3.0	0.0	7.0		0.5	5.0		3.7	3.7	4.7		
41	3551010145	VIOVÑ	Thanh	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0		6.5			7.7	7.7			
42	3551010202	L ² S	Thành	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0		4.8			6.6	6.6			
43	3551010260	V ^{1/2} VÑ	Thành	6.0	7.0	7.0	7.5	7.0		2.8			6.0	6.0			
44	3551010374	Tô Mai Quang	Thái	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0.0			0.0	0.0			
45	3551010205	Bùi Quang	Th ã ng	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0		1.0	3.0		1.5	1.5	1.9		
46	3551010160	Huỳnh Minh	Thi n	8.0	0.0	7.0	7.5	7.0		6.3			6.0	6.0			
47	3551010214	L ã ng Ch´	Thông	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0		7.5			7.9	7.9			
48	3551010416	Nguy ã n C»ng	Thùy	8.0	8.0	8.0	7.5	7.0		5.0			7.1	7.1			
49	3551010296	Tr ã n VÑ	Th c	8.0	8.0	7.0	7.5	7.0		2.0			6.2	6.2			
50	3551010341	Ph m ã ã nh	VÑ	0.0	8.0	3.0	0.0	7.0		2.5	5.0		3.3	3.3	3.9		
51	3551010147	Tr ã ng Minh	Vi t	8.0	8.0	8.0	9.0	7.0		6.0			7.5	7.5			

T ã ng s : 51 h c sinh - sinh vi² n.

X p lo i	S l ã ng	T l (%)
ã t	31	59
Kh»ng ã t	21	40

Tp.HCM, ã g 27 th ã ng 3 ã n 2014

Tr ã ng Khoa

Gi ã o vi² n b ã m»n

Gi ã o v Khoa